TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-PT
Ngày: 05- 02- 2026
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Đình Phương**; ông **Trần Minh Thật**

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Phan Ngọc Chiêu Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 11/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*. Do bản án kinh doanh - thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 270/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần F;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy T – Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng A - Tòa nhà H, D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ngọc D, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: A N, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Công ty TNHH K;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc V – Tổng giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: Lô D, khu D, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: Tầng B, tòa nhà R, E N, phường L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Xuân D1, bà Hà Mỹ Dạ T1 (Có mặt).

Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà R, E N, phường L, thành phố Hà Nội.

- Người kháng cáo: Công ty TNHH K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc Đ trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn K (Công ty TNHH K nay là Công ty Cổ phần F) khởi kiện bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B vì đã thực hiện hợp đồng ký kết được thể hiện tại Thư chấp thuận ngày 02/10/2015 và Báo giá số PP-VN15-038, tổng giá trị hợp đồng được thoả thuận là 866.703 USD; Công ty Cổ phần F bắt đầu thực hiện hợp đồng từ ngày 5/10/2015 đến ngày 31/3/2016 thông qua các công việc đã thực hiện như lập kế hoạch, quản lý thiết kế, quản lý dự án và giám sát thi công, giá trị thực hiện là 220.504 USD. Đến ngày 3/12/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn K đã thanh toán lần đầu cho các loại công việc đã thực hiện là 1.944.881.532 đồng (tương ứng với 86.670 USD tại thời điểm thanh toán), sau đó phía Công ty trách nhiệm hữu hạn K không thanh toán nữa mặc dù Công ty Cổ phần F đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số nợ còn lại 2.988.506.521 đồng (tương ứng 133.834 USD) nhưng phía Công ty trách nhiệm hữu hạn K không phản hồi và cũng không thực hiện việc trả số tiền gốc còn lại nên Công ty Cổ phần F khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B phải thanh toán một lần cho Công ty Cổ phần F số tiền nợ gốc chưa thanh toán 2.988.506.521 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 20/4/2016 đến ngày xét xử 30/7/2025 là 9 năm 3 tháng theo lãi suất quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng thương mại trong nước tại thời điểm xét xử tương ứng là 11%/năm là 3.049.810.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 6.038.316.521 đồng (sáu tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, ba trăm mười sáu ngàn, năm trăm hai mươi mốt đồng). Công ty Cổ phần F không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phạm Văn D2, bà Hà Mỹ Dạ T1 trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phản tố yêu cầu Toà án tuyên T2 chấp thuận vô hiệu toàn bộ do vi phạm điều cấm của pháp luật (do thanh toán bằng USD); Công ty trách nhiệm hữu hạn K không phải thanh toán cho Công ty Cổ phần F số tiền 220.504 USD; phản tố yêu cầu Công ty Cổ phần F có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty

trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B số tiền 1.944.881.532 đồng mà Công ty trách nhiệm hữu hạn K đã chuyển cho Công ty Cổ phần F; Công ty Cổ phần F phải bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B số tiền tạm tính đến ngày 25/10/2024 là 1.731.210.986 đồng, phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với lãi suất 10%/năm cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa, tuyên:

- Căn cứ vào Điều 513, 515, 519 Bộ luật dân sự 2015; Điều 135 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vô hiệu từng phần; Điều 306 Luật thương mại phần quy định về lãi suất; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần F;

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn khu nghỉ dưỡng B thanh toán số tiền 2.988.506.521 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 20/4/2016 đến ngày xét xử 30/7/2025 là 9 năm 3 tháng theo lãi suất quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng thương mại trong nước tại thời điểm xét xử tương ứng là 11%/năm là 3.049.810.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 6.038.316.521 đồng (sáu tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, ba trăm mười sáu ngàn, năm trăm hai mươi mốt đồng) cho Công ty Cổ phần F và lãi phát sinh sau ngày 30/7/2025.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Khu nghỉ dưỡng B:

- Tuyên bố Thư chấp thuận ngày 02/10/2015 vô hiệu một phần về thanh toán bằng USD, các phần còn lại có hiệu lực pháp luật.

+ Không chấp nhận yêu cầu phản tố buộc Công ty Cổ phần F trả lại số tiền 1.944.881.532 đồng.

+ Ghi nhận ý kiến Công ty TNHH K rút yêu cầu buộc Công ty Cổ phần F bồi thường thiệt hại 1.731.210.98đ do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với lãi suất 10%/năm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 31/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Khánh Hòa ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2025/QĐ-SCBSQĐ, nội dung bổ sung sai sót về thông tin, bổ sung phần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố, sửa chữa phần án phí, quyền kháng cáo khi đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bổ sung về điều luật áp dụng.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, bị đơn Công ty TNHH K kháng cáo bản án kinh doanh - thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025

của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn trả lại số tiền tạm ứng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi mức lãi suất 11%/năm xuống 5%/năm với thời hạn tính lãi 09 năm 03 tháng trên số tiền nợ là 2.988.506.521đ. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hiệu lực toàn bộ của Thư chấp thuận ngày 02/12/2015 và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn tuyên vô hiệu một phần thư chấp thuận ngày 02/12/2015. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu nguyên đơn trả lại tiền tạm ứng 1.944.881.532đ.

Án phí đối với tuyên vô hiệu một phần thư chấp thuận thuộc loại án phí không giá ngạch nên nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu 1.500.000đ. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền còn thiếu và lãi nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại trên tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ. Yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn hoàn trả tiền tạm ứng 1.944.881.532đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí trên số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng

[1.1] Phiên tòa được mở lần thứ hai, các đương sự có mặt thông qua người đại diện theo ủy quyền. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền chậm thanh toán thời hạn tính lãi 09 năm 03 tháng với mức lãi suất 5%/năm (giai đoạn xét xử sơ thẩm yêu cầu mức lãi suất 11%/năm). Bị đơn giữ nguyên ý kiến rút một phần yêu cầu phản tố. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố còn lại.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Các đương sự tranh luận và xác định phạm vi yêu cầu khởi kiện, kháng cáo

[2.1] Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K (Công ty K) cho rằng Thư chấp thuận ngày 02/10/2015, không phải là hợp đồng kinh tế nên không phát sinh hiệu

lực; Công ty Cổ phần F (Công ty F) không xuất trình hóa đơn, chứng từ chứng minh khối lượng công việc thực hiện cũng như đơn giá nên không có căn cứ để buộc Công ty K thanh toán phần tiền còn lại theo giá trị của T2 chấp thuận sau khi trừ giá trị của tiền tạm ứng. Ngoài ra thư chấp thuận có đơn vị thanh toán bằng USD nên vô hiệu toàn bộ. Số tiền công ty K chuyển cho Công ty F phải được Công ty F hoàn trả do T2 chấp thuận vô hiệu. Bà Hoàng Thị Ngọc D đại diện ký đơn khởi kiện bổ sung không đúng thẩm quyền; các giấy ủy quyền của Công ty F ủy quyền cho bà D không hợp lý về thời gian cũng như chủ thể ủy quyền (tên Công ty không đồng nhất).

[2.2] Đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần F cho rằng đối chiếu các thỏa thuận trong Thư chấp thuận ngày 02/10/2015, các điều khoản về giá trị hợp đồng, công việc thực hiện, số tiền theo đơn báo giá, số tiền Công ty F được Công ty K thanh toán một phần chứng minh giao dịch dân sự đã được các bên xác lập, phát sinh hiệu lực. Công việc do công ty F thực hiện theo Thư chấp thuận gồm quản lý thiết kế, quản lý dự án, giám sát thi công; mỗi hạng mục công việc có thời hạn và chiết tính đính kèm bảng báo giá được Công ty K chấp thuận. Do đó, Công ty F khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện và phản tố

[3.1] Công ty K cho rằng bà Hoàng Thị Ngọc D ký đơn đại diện cho Công ty F khởi kiện bổ sung phần lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ không đảm bảo về điều kiện chủ thể khởi kiện. Hội đồng xét xử không chấp nhận phản đối của Công ty K vì yêu cầu tính lãi chỉ là yêu cầu phát sinh từ quan hệ pháp
luật tranh chấp hợp đồng dịch vụ; phạm vi ủy quyền bà D được thực hiện các quyền của nguyên đơn. Công ty K còn cho rằng Công ty F có nhiều văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị Ngọc D cùng ngày nhưng chủ thể ủy quyền không đồng nhất. Kiểm sát viên VKSND tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phản đối, tranh luận của bị đơn.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy tiền thân của Công ty F là Công ty TNHH K, sau đó đổi tên là Công ty TNHH K, lần thay đổi sau cùng tên doanh nghiệp là Công ty F nên sai sót, trùng lặp ghi ngày tháng năm ủy quyền không ảnh hưởng đến việc tham gia tố tụng với tư cách đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Ngọc D đối với Công ty F.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty K (bị đơn) thừa nhận Thư chấp thuận ngày 02/10/2015 có thật, chủ thể đại diện hai Công ty ký Thư chấp thuận đúng quy định của pháp luật, nên tình tiết này không phải chứng minh. Thư chấp thuận ngày 02/10/2015 (gọi tắt Thư chấp thuận) được Công ty K soạn thảo gửi đến Công ty F. Nội dung thư chấp thuận chứng minh chủ đầu tư là Công ty K đã biết, xác nhận và dùng tham chiếu báo giá tư vấn số PP-VN15-036 ngày 01/10/2015; khẳng định rằng "Đề xuất cuối cùng của nhà tư vấn (Công ty F)

cho việc triển khai và hoàn thành các công việc: Quản lý thiết kế, quản lý dự án và Giám sát thi công đã được chủ đầu tư chấp thuận". Công ty F đã thực hiện dịch vụ trọn gói các phần việc theo Thư chấp thuận được chứng minh qua các tài liệu họp trực tuyến hoặc không trực tuyến có sự tham gia của hai bên với bên thứ ba theo nội dung vi bằng được trích xuất từ các cuộc họp (bút lục số 973 đến 1073; bút lục số 349-433). Do đó, tranh luận của nguyên đơn cho rằng đã thực hiện công việc theo hợp đồng, được quyền yêu cầu thanh toán phần còn lại sau khi trừ tiền tạm ứng là có căn cứ. Giá trị hợp đồng theo Thư chấp thuận là 866.703USD. Thời hạn hợp đồng bắt đầu từ ngày 05/10/2015. Công việc quản lý thiết kế phải hoàn thành trong vòng 04 tháng kể từ ngày bắt đầu; công việc quản lý dự án và giám sát thi công thời hạn hoàn thành là 18 tháng kể từ ngày bắt đầu. Các phân tích lập luận này được chứng minh tại bút lục số 179-189. Bút lục số 178 phiếu báo có ngày 03/12/2015, "Công ty TNHH K thanh toán tạm ứng đợt một theo Letter of approval ngày 02/10/2015". Kiểm sát viên VKSND tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hiệu lực một phần của T2 chấp thuận; buộc Công ty K phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền dịch vụ còn thiếu cho Công ty F.

[3.3] Mục 3 của T2 chấp thuận ghi tất cả điều khoản và điều kiện của hợp đồng sẽ dựa trên các điều kiện chung của thỏa thuận tư vấn do FIDIC ban hành. Các thông tin trao đổi sau cùng sẽ cấu thành một bộ phận của hợp đồng gồm: Thỏa thuận hợp đồng; Thư chấp thuận; các điều kiện cụ thể của thỏa thuận; các điều kiện đặc biệt của thỏa thuận; thỏa thuận hợp đồng; hướng dẫn của Thani D3. Công ty K không cung cấp được văn bản thỏa thuận chung do FIDIC ban hành cũng như hướng dẫn của D3 – đây là nghĩa vụ của Công ty K. Tuy nhiên, đối chiếu kết quả các cuộc họp trực tuyến và không trực tuyến có sự tham gia của các bên trong vụ án thì D3 có chỉ đạo, điều hành công việc hiệu chỉnh, điều chỉnh không toàn bộ các công việc giám sát quản lý thiết kế, quản lý dự án, giám sát thi công và được Công ty F thực hiện đúng yêu cầu của D3. Trong Thư chấp nhận còn chứa đựng nội dung nhà tư vấn (Công ty F) được yêu cầu cung cấp bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp nên đây là quyền lợi của Công ty F do đó Công ty F không yêu cầu không xâm phạm đến quyền lợi của Công ty K. Vì vậy, nội dung tranh luận của bị đơn cho rằng Công ty F không yêu cầu Công ty K cung cấp bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp để cho rằng Thư chấp thuận không có hiệu lực, không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[3.4] Mục 6 của T2 chấp nhận ghi: Cho đến khi thỏa thuận hợp đồng và các tài liệu hợp đồng khác được ký kết và triển khai, thư chấp thuận này cùng với các văn bản có liên quan được liệt kê trên sẽ có hiệu lực và cấu thành một hợp đồng ràng buộc có hiệu lực giữa chủ đầu tư và nhà tư vấn. Thực tế, hai bên không ký thêm tài liệu hoặc văn bản nào có liên quan theo quy định tại mục 6 Thư chấp thuận. Hơn nữa, Công ty K không hủy bỏ Thư chấp thuận; không từ chối Công ty

F tham gia họp để giải quyết các nội dung có liên quan đến công việc mà Công ty F phải thực hiện theo Thư chấp thuận; cho đến trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì Công ty K cũng không đòi số tiền tạm ứng; những sự kiện, tình tiết này một lần nữa chứng minh Công ty K không phản đối hiệu lực của T2 chấp thuận nên T2 chấp thuận là hợp đồng kinh tế, thuộc loại hợp đồng dịch vụ trọn gói, có hiệu lực ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.5] Nguyên đơn yêu cầu công nhận hiệu lực của Thư chấp thuận ngày 02/12/2015; Bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu toàn bộ Thư chấp thuận vì thỏa thuận giá trị hợp đồng đơn vị tính bằng đồng Đô la Mỹ (USD). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 22 pháp lệnh ngoại hối (Văn bản hợp nhất số: 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 của Văn phòng Q về Pháp lệnh ngoại hối) tuyên vô hiệu một phần Thư chấp thuận là đúng. Các nội dung thỏa thuận và thực hiện tạm ứng được quy đổi giá trị sang Việt Nam đồng không bị vô hiệu. Bị đơn rút yêu cầu phản tố đối với khoản tiền lãi của số tiền 1.944.881.532đ cũng như lãi chậm thi hành án được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút là đúng quy định tại Điều 244 khoản 2 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty F thay đổi mức lãi suất tính lãi do Công ty K chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.988.506.521đ, từ mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng 11%/năm xuống mức 5%/năm, thời gian tính lãi là 09 năm 03 tháng có lợi hơn cho bị đơn được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty K; chấp nhận Công ty F thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, sửa một phần bản án kinh doanh - thương mại sơ thẩm theo quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Khánh Hòa.

[4] Nghĩa vụ chịu án phí

[4.1] Án phí sơ thẩm được Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại như sau:

- Nguyên đơn yêu cầu công nhận toàn bộ Thư chấp thuận; bị đơn phản tố yêu cầu tuyên vô hiệu toàn bộ Thư chấp thuận. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu một phần Thư chấp thuận đối với giá trị hợp đồng tính bằng đơn vị Đô la Mỹ nên nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu ½ án phí kinh doanh thương mại không giá ngạch là 1.500.000đ.

- Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền theo hợp đồng còn lại sau khi trừ tạm ứng là: 2.988.506.521đ và phải trả lãi trên số tiền 2.988.506.521đ x 5%/ năm x 09 năm 03 tháng là: 1.380.690.000đ. Tổng cộng hai khoản phải thực hiện nghĩa vụ là: 4.369.196.500đ. Do đó, án phí phải chịu là: 112.369.196đ.

- Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn hoàn trả tiền tạm ứng 1.944.881.532đ, không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí là: 70.346.445đ.

- Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh – thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 308 khoản 2; Điều 148 khoản 2; Điều 313 khoản 6 của BLTTDS; Các Điều 86, 87, 306 Luật Thương mại; Các Điều 135, 518, 519, 520, 521, 522, 524 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với tiền lãi. Sửa một phần bản án sơ thẩinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn; tuyên vô hiệu một phần Thư chấp thuận ngày 02/10/2015 được ký kết giữa Công ty Cổ phần F với Công ty TNHH K đối với thỏa thuận giá trị hợp đồng bằng Đô la Mỹ. Chấp nhận bị đơn rút yêu cầu phản tố đối với khoản tiền lãi của số tiền 1.944.881.532đ và lãi chậm thi hành án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần F số tiền còn lại theo T2 chấp thuận ngày 02/10/2015 là 2.988.506.521đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.380.690.000đ; tổng cộng: 4.369.196.500đ.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH K đòi lại số tiền 1.944.881.532đ đối với Công ty Cổ phần F.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Công ty Cổ phần F phải chịu 1.500.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được khấu trừ vào 46.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010778 ngày 27/2/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự TP N, tỉnh Khánh Hòa; hoàn trả số tiền tạm ứng thừa cho Công ty Cổ phần F theo biên lai này là 44.500.000đ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần F: Số tiền 43.485.000đ theo biên lai thu tiền số 0007949 ngày 30/9/2024; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002272 ngày 14/8/2023; số tiền 1.700.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002313 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.

- Công ty K hữu hạn Khu nghỉ dưỡng B phải chịu tổng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 184.215.641đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 35.000.000đ theo Biên lai thu tiền 0008529 ngày 30/12/2020; số tiền 30.338.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007946 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm. Công ty Trách nhiệm hữu hạn K còn phải nộp 119.215.641đ án phí sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khu nghỉ dưỡng B không phải chịu án phí kinh doanh – thương mại phúc thẩm được hoàn trả 2.000.000đ tạm ứng án phí số 0001193 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/02/2026)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Khu vực 2;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng GĐKT, Thanh tra và THA;
- Phòng HCTP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hàng Lâm Viên